

**BẢNG KẾT QUẢ THI ANH VĂN THIẾU NHI
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC CAMBRIDGE (YLE)**

Kỳ thi ngày: **07/07/2018**

Buổi: **Sáng**

Cấp độ: **Flyers**

Candidate number	First name	Last name	Date of birth	Reading & Writing	Listening	Speaking	Total
1	NGUYEN	NGOC XUAN ANH	28/02/2008	2	1	5	8
2	NGUYEN	CHI CONG	21/02/2008	5	3	5	13
3	LE	MINH DOAN	12/12/2008	3	3	4	10
4	TA	HIEU HAN	28/08/2008	3	2	4	9
5	DOAN	PHU HOA	04/09/2008	2	3	5	10
6	LE	NGOC THUY KHANH	09/10/2008	5	4	5	14
7	DANG	VINH PHUC	24/05/2008	3	3	5	11
8	DUONG	THE TUONG	20/03/2008	4	3	5	12
9	PHAM	PHUONG THAO	11/07/2008	3	3	5	11
10	HO	HA ANH THU	03/03/2008	3	2	5	10
11	VUONG	HOANG ANH THY	03/11/2008	3	1	4	8
12	CAO	HUYNH TUONG VY	10/06/2008	1	1	4	6
13	TRAN	NGUYEN LAN CHI	17/12/2008	4	3	5	12
14	LE	DINH NHAN	18/12/2008	2	1	3	6
15	DOAN	DANG DOANH	25/05/2008	3	1	5	9
16	TRAN	PHUOC DAT	01/06/2008	2	2	4	8
17	NGUYEN	HO NHAN NGHIA	01/07/2008	2	1	3	6
18	TRAN	THANH NGOC	07/08/2008	3	1	4	8
19	NGUYEN	DOAN THAO NGUYEN	30/09/2008	5	3	5	13
20	NGUYEN	THAO NGUYEN	15/12/2008	5	3	4	12
21	VO	DUONG TAI	08/11/2008	3	4	5	12
22	TRINH	NGOC BAO THI	23/03/2008	4	3	4	11
23	LE	HUYNH HO TRI	30/05/2007	4	3	4	11
24	HUYNH	THAO ANH THI	15/11/2007	2	2	4	8
25	NGUYEN	THANH NHAN	07/11/2007	5	4	5	14
26	NGUYEN	PHUC LOC	16/02/2007	3	2	5	10
27	NGUYEN	LE NGOC BACH	05/10/2007	4	3	4	11
28	TRAN	DINH BAO	18/05/2007	5	4	5	14
29	TRAN	NGOC KHANH PHUONG	19/07/2007	2	1	4	7
30	HO	LE TUAN KIET	17/05/2007	4	2	3	9
31	NGUYEN	DAC TUAN	30/12/2007	4	2	3	9
32	DO	MAI PHUONG	04/03/2007	5	3	5	13
33	NGUYEN	HOANG MAI THANH	11/02/2007	4	2	5	11
34	PHAN	LE KHANH AN	17/11/2007	2	1	5	8
35	TRUONG	HO TAM	26/08/2007	4	1	3	8
36	DO	GIA NHI	17/03/2007	5	3	5	13
37	LE	TRIEU BINH	11/01/2007	5	4	5	14
38	VU	MINH DANG	10/12/2007	3	1	4	8
39	SAM	THI BAO THY	26/09/2007	4	4	5	13
40	HO	ANH KHOI	01/11/2007	4	2	4	10
41	HUYNH	NGOC ANH THU	14/07/2007	4	2	5	11
42	NGUYEN	THI NGOC HANG	06/04/2007	3	1	2	6
43	HUYNH	NHA HAN	04/09/2007	2	1	3	6
44	TRAN	LAM THAI DUONG	26/02/2007	5	4	5	14
45	PHAM	XUAN HUY	20/09/2007	4	2	4	10
46	PHAM	KHANH NGOC	28/06/2007	4	3	5	12
47	LE	TRUNG HAU	01/08/2007	4	4	5	13
48	NGUYEN	MINH BAO	11/09/2007	2	1	4	7
49	NGUYEN	TAN DUNG	25/10/2007	2	1	4	7

Candidate number	First name	Last name	Date of birth	Reading & Writing	Listening	Speaking	Total
50	PHAM	HUYNH THAO NGUYEN	27/04/2007	4	3	4	11
51	HUYNH	NHA HUYEN	04/09/2007	4	1	5	10
52	LE	PHUOC LOC	18/04/2007	3	2	4	9
53	HO	BAO TRAM	24/12/2007	2	3	5	10
54	HO	TRONG TRI	19/12/2007	3	2	4	9
55	LE	NGUYEN LINH NHI	03/10/2007	4	2	5	11
56	LE	NGUYEN NGOC TRAN	21/11/2007	5	2	5	12
57	DINH	THI HAI YEN	08/11/2007	4	3	5	12
58	NGUYEN	HOANG KHANH TRANG	25/06/2007	5	3	5	13
59	DINH	THU VAN	19/09/2006	3	1	4	8
60	NGUYEN	QUOC SY	02/04/2007	4	3	5	12
61	DU	NGOC HUYEN TRAM	01/01/2008	2	2	5	9
62	LE	MINH THUY	20/03/2007	4	2	5	11
63	NGUYEN	NHAT HUY	20/01/2006	4	2	5	11
64	NGUYEN	NAM ANH	12/08/2006	5	4	5	14
65	NGUYEN	HO ANH KHOI	24/12/2006	5	4	5	14
66	HOANG	CHAU GIANG	11/08/2007	4	4	5	13
67	NGUYEN	THI MINH THU	11/11/2007	5	4	5	14
68	NGO	THI NGOC HA	28/03/2005	5	5	5	15
69	LE	NGOC THIEN KIM	26/01/2005	5	3	4	12
70	TRIEU	THI THIEN TAM	10/08/2008	4	3	5	12
71	TRIEU	HONG THIEN NHAN	10/08/2008	4	3	5	12
72	TA	LE GIA HAN	24/10/2008	4	3	5	12
73	TRAN	BINH KY	24/12/2008	2	1	4	7
74	HA	THIEN AN	22/01/2008	3	3	4	10
75	NGUYEN	BA LOC	21/02/2008	5	2	4	11
76	TRAN	THI QUYNH HUONG	01/05/2007	4	1	4	9
77	NGO	HOANG THAO NGUYEN	18/02/2007	3	1	4	8
78	NGUYEN	HOA PHAT	05/05/2007	2	2	4	8
79	TRAN	KY DAT	14/06/2007	3	2	5	10
80	NGUYEN	PHUOC AN LOC	09/08/2007	5	3	5	13